

Số: /TCBC-STP

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND ngày 08/6/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2026. Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành: Thực hiện Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) Mục đích ban hành: Nhằm quy định cụ thể trách nhiệm, nội dung và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, chủ rừng, hộ gia đình và cá nhân chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và tổ chức chữa cháy rừng kịp thời, hiệu quả.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định cấp dự báo cháy rừng, bảng tra cấp dự báo cháy rừng; mức hỗ trợ tiền ăn đối với lực lượng tham gia chữa cháy rừng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Phương châm và yêu cầu trong phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Phương châm: Phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để và an toàn.

b) Yêu cầu trong phòng cháy và chữa cháy rừng:

- Hạn chế đến mức thấp nhất và loại bỏ nguồn lửa gây cháy rừng, khả năng bén lửa của vật liệu cháy, dập tắt kịp thời đám cháy khi mới phát sinh; chấm dứt nhanh sự lây lan của đám cháy, đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phải chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi địa bàn quản lý.

- Chủ rừng phải thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định.

- Lực lượng Công an, Quân đội có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức dự báo cháy rừng và thông tin kịp thời các cấp dự báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ rừng nơi có rừng dễ cháy trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong suốt mùa khô.

4.2. Phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Tất cả các chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn có rừng dễ cháy có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

b) Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê phải hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 hàng năm và phải gửi đến cơ quan Kiểm lâm sở tại và cơ quan Công an có liên quan tham gia ý kiến, phối hợp thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

d) Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trước mùa khô hàng năm.

4.3. Tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Trách nhiệm tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng chương trình, tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

- Các đơn vị chủ rừng là tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trên diện tích đơn vị quản lý.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, học sinh, sinh viên và quần chúng nhân dân.

b) Nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến về phòng cháy và chữa cháy rừng

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến: văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các pháp luật liên quan; trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây cháy và giải pháp phòng ngừa; biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng; biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng; thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng; hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, báo tin khi cháy rừng xảy ra; hướng dẫn quy trình xử lý khi có cháy rừng xảy ra; thực tập phương án chữa cháy rừng và cứu nạn, cứu hộ, kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến: tổ chức hội nghị, họp chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng hoặc lồng ghép chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng với hoạt động khác; quy định nội dung phòng cháy và chữa cháy rừng vào hương ước, quy ước của cộng đồng thôn, bản; ký cam kết thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh ở cơ sở, nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư sống gần rừng, các trang mạng xã hội; phát hành tờ rơi, xây dựng bảng tin, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển cấm lửa tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về phòng cháy và chữa cháy rừng; các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng.

4.4. Giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng

- a) Tất cả các đập, cống điều tiết nước và rãnh thoát nước ở các khu rừng tập trung dễ cháy, chủ rừng phải đắp đập, đóng cống kịp thời để giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng. Việc đắp đập, đóng cống giữ nước phải đảm bảo yêu cầu giữ

được lượng nước trong khu rừng nhằm duy trì độ ẩm của đất rừng, nhưng không ảnh hưởng đến sản xuất nông, ngư nghiệp khu vực xung quanh.

b) Đối với Vườn Quốc gia U Minh Hạ, thời gian bắt đầu đắp đập, đóng cống giữ nước trung bình từ cuối tháng 9 hàng năm; các khu vực còn lại đắp đập, đóng cống trung bình vào cuối tháng 10 hàng năm. Thời gian cụ thể giao Chi cục Kiểm lâm thông báo. Khi kết thúc mùa khô, các chủ rừng, địa phương mở cống xả nước để tránh gây ngập úng tạo điều kiện thuận lợi cho cây rừng sinh trưởng và phát triển.

c) Cơ quan Kiểm lâm phối hợp với cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kiểm tra việc giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng. Xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

4.5. Cấp dự báo cháy rừng

a) Cấp dự báo cháy rừng gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V: Cấp I là cấp thấp; cấp II là cấp trung bình; cấp III là cấp cao; cấp IV là cấp nguy hiểm; cấp V là cấp cực kỳ nguy hiểm.

b) Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

c) Dự báo cháy rừng cấp I:

- Đặc trưng cháy rừng: ít có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số I.

- Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã và các chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng và sử dụng lửa làm giảm vật liệu cháy, đốt đồng ruộng đúng quy định.

d) Dự báo cháy rừng cấp II:

- Đặc trưng cháy rừng: Có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số II.

- Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã, các chủ rừng tăng cường kiểm tra, đồn đốc bố trí người canh phòng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng lửa đốt đồng ruộng.

đ) Dự báo cháy rừng cấp III:

- Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng. Khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số III.

- Biện pháp phòng cháy rừng: Chú trọng phòng cháy các loại rừng: Tràm cừ, Tràm úc, keo lai và rừng hỗn giao trên núi đất,...; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã phối hợp Hạt Kiểm lâm đơn đốc thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng, cấm đốt thực bì dưới tán rừng; các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra lực lượng canh phòng và lực lượng khoán quản lý bảo vệ rừng; tổ chức trực từ 10 giờ đến 20 giờ hằng ngày, đặc biệt chú trọng các giờ cao điểm. Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy trong phạm vi quản lý.

g) Dự báo cháy rừng cấp IV:

- Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lửa lan nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số IV.

- Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy; lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh và ngoài hiện trường rừng, tổ chức trực từ 09 giờ đến 21 giờ hằng ngày, nhất là các giờ cao điểm, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường lực lượng, phương tiện chữa cháy khi cần thiết; cán bộ được phân công phụ trách theo dõi cấp dự báo cháy rừng nắm chắc tình hình khí tượng, thủy văn để dự báo và thông báo kịp thời trên các phương tiện thông tin truyền thông về cấp cháy và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương.

h) Dự báo cháy rừng cấp V:

- Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan nhanh trên các loại rừng. Rất nguy hiểm và cực kỳ nguy hiểm, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số V.

- Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm, Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh, xã, các chủ rừng thực hiện các biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng; lực lượng Công an phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo trực 24/24 giờ trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng; thông báo thường xuyên nội quy dùng lửa trong rừng và ven rừng; khi xảy ra cháy phải huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay, tiến hành điều tra xác minh vụ cháy và truy tìm thủ phạm, xử lý nghiêm minh; khi cần thiết, đề nghị Trung ương chi viện lực lượng và phương tiện chữa cháy.

5.6. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

a) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo vật liệu cháy:

TT	Khối lượng		Cấp dự báo cháy rừng	Mức độ nguy hiểm
	Vật liệu cháy khô (tấn/ha)	Vật liệu cháy tươi (tấn/ha)		
01	< 5	< 5	III	Tương đối nguy hiểm
02	5 - 10	5 - 10	IV	Nguy hiểm
03	> 10	> 10	V	Cực kỳ nguy hiểm

b) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo độ sâu mực nước ngầm:

TT	Độ sâu mực nước ngầm (cm)	Đặc điểm vật liệu cháy	Mức nguy hiểm của cháy rừng	Cấp dự báo cháy rừng
01	<50	Ẩm	Ít nguy hiểm	III
02	50-90	Khô	Nguy hiểm	IV
03	>90	Rất khô	Rất nguy hiểm	V

c) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng quan hệ độ ẩm vật liệu cháy với khả năng phát sinh cháy rừng:

Cấp dự báo cháy rừng	Độ ẩm của vật liệu cháy (%)	Khả năng xảy ra cháy rừng	Tính chất của đám cháy	Mục trắc khi bề vật liệu cháy nếu
I	35-45	Ít có khả năng cháy rừng		Dai, tay cảm giác ướt
II	25-35	Có khả năng cháy rừng	Cường độ thấp	Gấp đôi được
III	15-25	Dễ xảy ra cháy rừng	Cường độ trung bình	Gãy kêu lách tách
IV	10-15	Dễ xảy ra cháy rừng và nguy cơ cháy	Tốc độ lan tràn của lửa nhanh; rất nóng, khó kiểm soát	Gãy kêu to
V	<10	Rất dễ xảy ra cháy rừng, cực kỳ nguy hiểm	Tốc độ lan tràn lửa rất nhanh, thất thường, khó kiểm soát	Vỏ nát tinh, vỡ vụn

d) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P của Nesterop

Cấp dự báo cháy rừng	Chỉ tiêu P	Đặc trưng của các cấp dự báo cháy rừng
I	<5000	Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng
II	5001 - 10.000	Cấp trung bình, có khả năng cháy rừng
III	10.001 - 15.000	Cấp cao, dễ xảy ra cháy rừng
IV	15.001 - 20.000	Cấp nguy hiểm, có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn
V	> 20.000	Cấp cực kỳ nguy hiểm, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh.

Cách tính chỉ tiêu P của Nesterop được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN-KL ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng.

đ) Chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác định cấp cháy, dự báo cháy trên diện tích đơn vị quản lý. Chi cục Kiểm lâm phối hợp với cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, thông tin cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng khi dự báo đến cấp IV và cấp V trên địa bàn tỉnh. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới về phương pháp xác định cấp dự báo cháy rừng thì thực hiện theo quy định mới.

5.7. Phương án, dự án phát triển rừng trên đất rừng dễ cháy

a) Các phương án, dự án phát triển rừng trên đất rừng dễ cháy thực hiện theo Điều 48 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

b) Các phương án tác động đến rừng, đất lâm nghiệp thực hiện trong mùa khô có ảnh hưởng đến công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, Thủ trưởng đơn vị trực tiếp thực hiện phương án phải chịu trách nhiệm khi dễ xảy ra cháy rừng.

5.8. Quản lý vật liệu cháy và sử dụng lửa

a) Quản lý vật liệu cháy rừng

- Hằng năm, chủ rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc giảm vật liệu cháy rừng để phòng ngừa nguy cơ cháy rừng.

- Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng thực hiện việc giảm vật liệu cháy rừng trên địa bàn.

b) Sử dụng lửa trong và ven rừng đúng theo quy định sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, xử lý thực bì trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng.

- Tiến hành đốt lửa để giảm vật liệu cháy lúc gió nhẹ, vào trước 09 giờ sáng và sau 16 giờ buổi chiều. Tuyệt đối không sử dụng lửa để giảm vật liệu cháy khi rừng dự báo cấp IV, cấp V.

- Trước khi đốt phải làm đường băng ngăn cách với khu rừng xung quanh; bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ sẵn sàng phòng lửa cháy lan. Tuyệt đối không được để lửa cháy lan vào rừng và kiểm soát chặt chẽ đến khi lửa đã tắt.

5.9. Tổ chức, quản lý lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng và tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng được quy định cụ thể tại Điều 12 và Điều 13 Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND.

5.10. Thông tin, liên lạc và trực phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Chủ rừng là tổ chức phải trang bị hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động thông suốt từ tổ, đội đến Ban Chỉ huy của đơn vị. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Việc trực thông tin liên lạc, theo dõi, báo cáo diễn biến tình hình phòng cháy và chữa cháy rừng phải được tổ chức chặt chẽ, liên tục từ cơ sở đến cấp tỉnh.

c) Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V, căn cứ tình hình cấp dự báo cháy rừng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức trực, canh gác tại các khu vực trọng điểm cháy rừng.

d) Mỗi ca trực đối với các đơn vị Kiểm lâm, các chủ rừng là tổ chức phải có một người trong Ban lãnh đạo; lãnh đạo ca trực phải chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo kịp thời về tình hình phòng cháy và chữa cháy rừng trong thời gian trực.

đ) Người trực có trách nhiệm: theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cảnh báo cháy rừng và thông báo cho lực lượng chức năng liên quan kiểm tra, xác minh. Tiếp nhận thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng của người dân và báo cáo lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

4.11. Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Hệ thống kênh và đường giao thông phải được phát dọn đảm bảo lưu thông phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng đến khi kết thúc mùa khô. Hệ thống kênh phải được nạo vét, duy tu, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

b) Hệ thống chòi quan sát lửa rừng

- Các chủ rừng có diện tích rừng tập trung ≥ 100 ha phải xây dựng hệ thống chòi quan sát lửa đảm bảo kiểm soát các điểm cháy xuất hiện trên diện tích rừng do đơn vị quản lý.

- Với những diện tích rừng lớn, tập trung từ 1.000 - 2.000 ha có một chòi canh chính chiều cao từ 17 m trở lên và 02 chòi canh phụ chiều cao 15 m.

- Các thiết bị cần có tại mỗi chòi canh: ống nhòm, la bàn, bản đồ và hệ thống liên lạc đảm bảo thông suốt.

c) Băng cây xanh cản lửa cần được xây dựng dọc theo các kênh rạch, đường giao thông, xung quanh các điểm dân cư, những vùng đất sản xuất nông nghiệp, kho tàng, cơ quan, đơn vị quân đội nằm ở trong rừng và ven rừng. Tùy theo tuyến, chủ rừng xây dựng băng cây xanh có chiều rộng phù hợp, trung bình từ 05 - 20 m.

d) Hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng phải được đặt ở những nơi có rừng dễ cháy, các tuyến đường trong và ven rừng, khu vực tiếp giáp khu dân cư. Đối với diện tích rừng từ 100 - 200 ha phải có 01 - 02 biển cấp dự báo cháy rừng và 01 - 02 bảng tuyên truyền bảo vệ rừng.

đ) Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng phải được quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định để đảm bảo phục vụ tốt công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

g) Việc xây dựng các công trình phòng cháy và chữa cháy rừng phải thực hiện theo dự án, phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng được cấp thẩm quyền duyệt.

4.12. Phương tiện, trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Chủ rừng phải trang bị phương tiện, thiết bị, máy móc, dụng cụ đảm bảo cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên khu vực mình quản lý (máy bơm, máy thổi gió, cưa máy, ô tô, xuống máy, vòi chữa cháy,... và các dụng cụ thủ công).

b) Trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy rừng phải bảo đảm về số lượng và chất lượng, đồng bộ, hiện đại, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và chủ rừng.

4.13. Các biện pháp chữa cháy rừng

a) Biện pháp chữa cháy

- Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp: Sử dụng tất cả các phương tiện, thiết bị từ thủ công đến cơ giới hiện đại, như: cành cây, rựa, bàn đập lửa, cào, bình tưới nước, các loại máy bơm phun nước chữa cháy, máy thổi gió,... và hoá chất tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy trên bề mặt đất.

- Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp: Dùng lực lượng, phương tiện và thiết bị để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng băng trắng ngăn lửa, băng đốt trước (dùng lửa đập lửa), đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy.

b) Thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ”, gồm:

- Dùng lực lượng và phương tiện tại chỗ dập tắt ngay đám cháy khi mới phát hiện.
- Tạo đường băng cản lửa, khoanh vùng cô lập đám cháy.
- Áp dụng biện pháp đốt trước có kiểm soát để chữa cháy khi có đủ điều kiện cho phép; đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm.
- Huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy khi cần thiết; các biện pháp chữa cháy rừng khác phù hợp với tình hình thực tế.

c) Phương pháp bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy

- Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy:

Dụng cụ thủ công như: Dao, rựa, cuốc, xẻng, bàn dập lửa, cành cây,...

Máy phun nước, máy bơm chữa cháy xách tay, máy thổi gió, cưa xăng,...

- Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy gồm: Xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, xe mô tô chữa cháy chuyên dụng, xe chở nước,...

d) Chữa cháy rừng tại hiện trường có đạn nổ

- Trường hợp hiện trường cháy có tiếng nổ do đạn, bom, mìn và vật liệu nổ khác còn sót lại sau chiến tranh, chỉ huy chữa cháy ngay lập tức chỉ đạo lực lượng chữa cháy tránh xa khu vực cháy, không được dùng phương pháp dập lửa trực tiếp hoặc phương pháp đốt ngược để chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người.

- Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, làm đường băng trắng trước hướng lan truyền của đám cháy; khoảng cách từ đường băng trắng đến đám cháy và độ rộng của đường băng trắng tùy thuộc vào địa hình, tốc độ lan truyền của đám cháy, do chỉ huy chữa cháy quyết định.

đ) Chữa cháy rừng vào ban đêm

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định hình thức chữa cháy phù hợp, cụ thể:

- Điều kiện trạng thái thực bì nhỏ (chiều cao thực bì <1m, tỷ lệ độ che phủ <40%), địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp.

- Điều kiện trạng thái thực bì lớn (chiều cao thực bì >1m, tỷ lệ độ che phủ >40%), địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp.

4.14. Tiếp nhận thông tin và xử lý tình huống khi cháy rừng xảy ra

a) Tiếp nhận thông tin cháy rừng: Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây: Chủ rừng; Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất; Cơ quan Kiểm lâm hoặc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất;

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

Khi tiếp nhận tin báo cháy rừng, người nhận tin báo phải hỏi rõ và ghi vào sổ tiếp nhận các thông tin sau: Họ tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm, thời gian xảy ra cháy; những thông tin về đám cháy như: Loại rừng xảy ra cháy, diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực dân cư và những thông tin khác liên quan đến đám cháy.

b) Xử lý thông tin cháy rừng

- Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chỉ viện chữa cháy.

- Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo cháy ngoài địa bàn được phân công quản lý phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng; đồng thời báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp để xem xét, quyết định điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến chữa cháy khi có yêu cầu phối hợp.

c) Người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

d) Việc huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.15. Chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng, xác định nguyên nhân gây cháy, thiệt hại do cháy rừng và khắc phục hậu quả do cháy rừng: Được quy định cụ thể ở Điều 19, Điều 20, Điều 21 Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND.

4.16. Kinh phí hỗ trợ cho người tham gia chữa cháy rừng

a) Chi tiền ăn đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo lệnh điều động, huy động của người có thẩm quyền bằng 0,4 ngày lương tối thiểu vùng/suất ăn.

b) Các nội dung và mức chi khác thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

c) Kinh phí chữa cháy rừng theo quy định tại điểm a và điểm b nêu trên được sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng, chống thiên tai và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác theo thẩm quyền. Căn cứ vào hoạt động chữa cháy rừng và các chế độ, chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương và nguồn tài chính hợp pháp khác để xử lý các nhu cầu kinh phí cho chữa cháy rừng trên địa bàn ngoài dự toán chi hằng năm đã được phê duyệt. Cấp có thẩm quyền quyết định điều động, huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng do cấp huy động.

d) Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động chữa cháy rừng theo quy định pháp luật.

4.17. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng: Được quy định tại Điều 23 Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND.

4.18. Trách nhiệm của các cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Báo và Phát thanh - Truyền hình Cà Mau; các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về phòng cháy và chữa cháy rừng: Được quy định cụ thể tại Chương V Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc